|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2018/QĐ-TTg |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

*DỰ THẢO*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước bao gồm 19 tiêu chí với 109 nội dung, phản ánh toàn diện 4 chiều chất lượng thống kê nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung bao gồm Cơ quan thống kê trung ương, cơ quan thống kê địa phương.

2. Tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng quản lý nhà nước về thống kê, triển khai áp dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước. Từ năm 2020, định kỳ hàng năm tiến hành tự đánh giá, biên soạn và công bố báo cáo chất lượng thống kê thuộc lĩnh vực, phạm vi phụ trách.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện khoản 1 Điều 2 của Quyết định này; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

a) Biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước;

b) Xây dựng các công cụ, phương pháp, quy trình đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê nhà nước;

c) Biên soạn tài liệu, chương trình, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng đánh giá chất lượng thống kê nhà nước;

d) Từ năm 2021, tổ chức đánh giá định kỳ 5 năm một lần và đánh giá đột xuất chất lượng thống kê của hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; biên soạn và công bố báo cáo quốc gia về chất lượng thống kê nhà nước;

đ) Từ năm 2026, xây dựng và vận hành hệ thống tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước trực tuyến áp dụng cho hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, ngành.

**Điều 4**. Kinh phí thực hiện các hoạt động triển khai Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước được bố trí từ ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, Vụ KTTH, Công báo;- Lưu: VT, KgVX (3b). |  **THỦ TƯỚNG**   **Nguyễn Xuân Phúc** |

**BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số   /2018/QĐ-TTg* *ngày   tháng* *năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. Quản lý các hoạt động thống kê**

| **Tên tiêu chí** | **Mã số** | **Nội dung tiêu chí** |
| --- | --- | --- |
| **1. Điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê** | CLTK 1.1 | Có văn bản quy định việc điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê |
| CLTK 1.2 | Theo dõi, đánh giá và báo cáo việc điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê |
| **2. Quản lý mối quan hệ với các đối tác liên quan** | CLTK 2.1 | Có danh sách các chủ thể cung cấp, sử dụng thông tin thống kê  |
| CLTK 2.2 | Có tài liệu hướng dẫn về tham vấn các chủ thể cung cấp, sử dụng thông tin thống kê |
| CLTK 2.3 | Có văn bản thỏa thuận về chia sẻ và sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê với các cơ quan quản lý hồ sơ hành chính |
| CLTK 2.4 | Có văn bản thỏa thuận về hợp tác phổ biến thông tin thống kê với các cơ quan truyền thông |
| CLTK 2.5 | Chia sẻ kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động thống kê và dự toán kinh phí với các đối tác phát triển |
| **3. Quản lý các tiêu chuẩn thống kê** | CLTK 3.1 | Có tổ chức hoặc cá nhân thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn thống kê |
| CLTK 3.2 | Có kế hoạch xây dựng, hoàn thiện và thúc đẩy áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê  |
| CLTK 3.3 | Thực hiện tham vấn các chủ thể cung cấp, sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê |
| CLTK 3.4 | Các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực |
| CLTK 3.5 | Phổ biến các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê |
| CLTK 3.6 | Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn để cung cấp khi cần thiết |
| CLTK 3.7 | Lưu trữ thông tin thống kê ban đầu ở cấp chi tiết nhất của phân loại thống kê |
| CLTK 3.8 | Các sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc chỉ dẫn đến tài liệu tham khảo về các tiêu chuẩn thống kê liên quan |

**B. Quản lý môi trường thể chế cho các hoạt động thống kê**

| **Tên tiêu chí** | **Mã số** | **Nội dung tiêu chí** |
| --- | --- | --- |
| **4. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê** | CLTK 4.1 | Tổ chức thống kê được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền |
| CLTK 4.2 | Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền  |
| CLTK 4.3 | Công khai kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê  |
| CLTK 4.4 | Quy định bằng văn bản việc phản hồi các ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê  |
| **5. Bảo đảm tính khách quan và công bằng** | CLTK 5.1 | Quy định bằng văn bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê |
| CLTK 5.2 | Có quy trình lựa chọn nguồn số liệu, phương pháp, quy trình biên soạn các chỉ tiêu thống kê và hình thức phổ biến thông tin thống kê một cách khách quan  |
| CLTK 5.3 | Công khai các quy định về công bố và phổ biến thông tin thống kê  |
| CLTK 5.4 | Lịch công bố, phổ biến thông tin thống kê ghi rõ thời gian công bố, phổ biến; thông báo và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch |
| CLTK 5.5 | Có giải pháp bảo đảm các chủ thể sử dụng thông tin thống kê đều bình đẳng trong tiếp cận thông tin thống kê |
| CLTK 5.6 | Các lỗi của thông tin thống kê đã công bố được sửa sớm nhất; công khai nguyên nhân và kết quả sửa lỗi |
| **6. Bảo đảm tính minh bạch** | CLTK 6.1 | Kiểm soát và công khai các trường hợp được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố |
| CLTK 6.2 | Quy định bằng văn bản về việc thông báo cho tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê biết về quyền và nghĩa vụ của họ |
| CLTK 6.3 | Quy định bằng văn bản về việc thông báo cho các chủ thể sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê |
| CLTK 6.4 | Phân biệt các sản phẩm thống kê với các sản phẩm khác bằng việc mã hóa sản phẩm; sử dụng biểu tượng, phù hiệu, logo… |
| CLTK 6.5 | Thông báo trước và giải thích những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, kỹ thuật thống kê và dữ liệu nguồn |
| **7. Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thống kê** | CLTK 7.1 | Công khai tài liệu hướng dẫn việc thực hiện bảo mật và an ninh thống kê |
| CLTK 7.2 | Có quy trình bảo mật thông tin định danh của chủ thể cung cấp thông tin  |
| CLTK 7.3 | Cam kết bằng văn bản việc thực hiện nghĩa vụ bảo mật và an ninh thống kê |
| CLTK 7.4 | Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin dưới dạng tệp tin điện tử và văn bản giấy thu được từ các chủ thể cung cấp thông tin |
| **8. Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê** | CLTK 8.1 | Tuyên bố bằng văn bản việc cam kết bảo đảm chất lượng thống kê |
| CLTK 8.2 | Có tổ chức hoặc cá nhân thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê  |
| CLTK 8.3 | Có sổ tay hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê  |
| CLTK 8.4 | Công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê  |
| CLTK 8.5 | Có kế hoạch bảo đảm chất lượng của từng chương trình thống kê trước khi thực hiện nhằm ngăn ngừa sai sót |
| CLTK 8.6 | Theo dõi và báo cáo các phản hồi về chất lượng thống kê của các chủ thể sử dụng thông tin thống kê |
| CLTK 8.7 | Theo dõi, đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê  |
| CLTK 8.8 | Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê |
| **9. Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê** | CLTK 9.1 | Có đủ số lượng và bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động thống kê |
| CLTK 9.2 | Có đủ số lượng và bảo đảm tiến độ cấp kinh phí cho hoạt động thống kê |
| CLTK 9.3 | Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin và các nguồn lực khác cho hoạt động thống kê |

**C. Quản lý các quy trình thống kê**

| **Tên tiêu chí** | **Mã số** | **Nội dung tiêu chí** |
| --- | --- | --- |
| **10. Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê** | CLTK 10.1 | Các phương pháp luận thống kê đang sử dụng đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực |
| CLTK 10.2 | Quy định bằng văn bản việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê |
| CLTK 10.3 | Hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê |
| CLTK 10.4 | Đánh giá định kỳ sự phù hợp của phương pháp luận điều tra thống kê, việc sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê  |
| CLTK 10.5 | Sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu đính dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu |
| CLTK 10.6 | Tuyển dụng công chức, viên chức có chuyên ngành và trình độ đào tạo phù hợp |
| CLTK 10.7 | Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê |
| **11. Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí** | CLTK 11.1 | Thực hiện các biện pháp giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê |
| CLTK 11.2 | Thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê |
| CLTK 11.3 | Rà soát các nguồn dữ liệu sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới |
| CLTK 11.4 | Tham gia với cơ quan quản lý dữ liệu hành chính trong việc thiết kế mẫu biểu ghi chép dữ liệu hành chính để cải thiện tiềm năng dữ liệu hành chính phục vụ cho công tác thống kê |
| CLTK 11.5 | Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong sản xuất thông tin thống kê |
| **12. Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê** | CLTK 12.1 | Có biện pháp kiểm soát chất lượng hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu |
| CLTK 12.2 | Tuyên truyền và quảng bá các hình thức thu thập thông tin, nhằm nâng cao nhận thức và sự tin tưởng của các chủ thể cung cấp thông tin |
| CLTK 12.3 | Thiết kế công cụ thu thập thông tin, lựa chọn và tập huấn điều tra viên thống kê phù hợp với từng chủ thể cung cấp thông tin |
| CLTK 12.4 | Thử nghiệm phiếu thu thập thông tin và phần mềm nhập dữ liệu trước khi sử dụng chính thức |
| CLTK 12.5 | Tích hợp tối đa việc nhập tin với thu thập thông tin, nhập tin tự động thay cho nhập tin thủ công để tăng tính chính xác và tính kịp thời của thông tin thống kê |
| CLTK 12.6 | Định dạng cơ sở dữ liệu thống kê tương thích với các phần mềm thống kê của cơ quan sử dụng |
| CLTK 12.7 | Có kế hoạch thu thập thông tin bổ sung để điều chỉnh các thông tin không nhất quán hoặc các trường hợp không trả lời |
| CLTK 12.8 | Có các thông tin về hoạt động và chi phí của chương trình thống kê  |
| CLTK 12.9 | Đánh giá hiệu quả của chương trình thống kê sau khi kết thúc chương trình |
| **13. Quản lý gánh nặng trả lời của chủ thể cung cấp thông tin** | CLTK 13.1 | Có tài liệu hướng dẫn về quản lý gánh nặng trả lời của chủ thể cung cấp thông tin |
| CLTK 13.2 | Áp dụng các hình thức và phương pháp thu thập thông tin khác nhau để giảm gánh nặng trả lời cho chủ thể cung cấp thông tin |
| CLTK 13.3 | Áp dụng các tiêu chuẩn thống kê trong các cuộc điều tra thống kê để chủ thể cung cấp thông tin dễ trả lời hơn |
| CLTK 13.4 | Xác định và tư liệu hóa các phản hồi về những yêu cầu và khiếu nại của chủ thể cung cấp thông tin |
| CLTK 13.5 | Đánh giá phiếu điều tra, mẫu biểu báo cáo để xác định các hạn chế của chúng |

**D. Quản lý các kết quả thống kê**

| **Tên tiêu chí** | **Mã số** | **Nội dung tiêu chí** |
| --- | --- | --- |
| **14. Bảo đảm tính phù hợp** | CLTK 14.1 | Cập nhật và phân tích dữ liệu về chủ thể sử dụng thông tin thống kê |
| CLTK 14.2 | Khảo sát nhu cầu và sự hài lòng của chủ thể sử dụng thông tin thống kê |
| CLTK 14.3 | Xác định và phản ánh nhu cầu ưu tiên của chủ thể sử dụng thông tin thống kê vào chiến lược, kế hoạch công tác của cơ quan thống kê |
| CLTK 14.4 | Cung cấp dữ liệu đặc tả hoặc các thông tin liên quan cho phép chủ thể sử dụng thông tin thống kê biết những khác biệt (nếu có) so với các khái niệm riêng người sử dụng quan tâm |
| CLTK 14.5 | Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê  |
| CLTK 14.6 | Xác định tỷ lệ đầy đủ của số liệu thống kê |
| **15. Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy** | CLTK 15.1 | Đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn, kết quả thống kê (kết quả trung gian và kết quả cuối cùng) |
| CLTK 15.2 | Đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu (Hệ số biến thiên, khoảng tin cậy) |
| CLTK 15.3 | Đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu |
| CLTK 15.4 | Xác định tỷ lệ vượt quá phạm vi |
| CLTK 15.5 | Xác định tỷ lệ không trả lời theo đơn vị điều tra |
| CLTK 15.6 | Xác định tỷ lệ không trả lời theo mục trong phiếu điều tra |
| CLTK 15.7 | Quy định bằng văn bản việc điều chỉnh số liệu thống kê, trong đó quy định nguyên tắc, quy trình, thời gian, nguyên nhân điều chỉnh  |
| CLTK 15.8 | Xác định giá trị trung bình của điều chỉnh số liệu thống kê |
| CLTK 15.9 | Xác định tỷ lệ gán dữ liệu còn thiếu |
| **16. Bảo đảm tính kịp thời và đúng hạn** | CLTK 16.1 | Có tài liệu hướng dẫn việc theo dõi, đánh giá tính kịp thời và đúng hạn của thông tin thống kê |
| CLTK 16.2 | Theo dõi, đánh giá thường xuyên hoạt động công bố và phổ biến thông tin thống kê |
| CLTK 16.3 | Xác định độ trễ thời gian công bố kết quả sơ bộ điều tra thống kê  |
| CLTK 16.4 | Xác định độ trễ thời gian công bố kết quả chính thức điều tra thống kê |
| CLTK 16.5 | Xác định tính đúng hạn của thông tin thống kê |
| CLTK 16.6 | Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động cải thiện tính kịp thời và đúng hạn của thông tin thống kê |
| **17. Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu** | CLTK 17.1 | Có tổ chức hoặc cá nhân thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ chủ thể sử dụng thông tin thống kê trong việc tiếp cận thông tin thống kê |
| CLTK 17.2 | Có văn bản quy định việc trình bày, lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê và các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ hiểu, dễ so sánh và phổ biến |
| CLTK 17.3 | Phổ biến rộng rãi danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê  |
| CLTK 17.4 | Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động phổ biến thông tin thống kê |
| CLTK 17.5 | Quy định bằng văn bản việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô cho mục đích nghiên cứu |
| CLTK 17.6 | Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng viết báo cáo phân tích thống kê, bản giải thích số liệu thống kê và thông cáo báo chí |
| **18. Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh** | CLTK 18.1 | Có tài liệu hướng dẫn việc theo dõi tính chặt chẽ và nhất quán của số liệu thống kê |
| CLTK 18.2 | Có cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung để thúc đẩy tính chặt chẽ và nhất quán của số liệu thống kê |
| CLTK 18.3 | Xác định những thay đổi về phương pháp thống kê để tạo điều kiện cho việc giải thích sự khác nhau của các kết quả thống kê  |
| CLTK 18.4 | Số liệu thống kê được biên soạn từ các nguồn và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê; nếu có khác biệt thì phải giải thích  |
| CLTK 18.5 | Xác định độ dài của dãy số thời gian  |
| CLTK 18.6 | Giải thích rõ các trường hợp ngắt quãng số liệu trong dãy số thời gian  |
| **19. Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê** | CLTK 19.1 | Có khung dữ liệu đặc tả thống kê và tài liệu hướng dẫn biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê |
| CLTK 19.2 | Công bố và phổ biến số liệu thống kê kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê |
| CLTK 19.3 | Xây dựng và cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung  |
| CLTK 19.4 | Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về quản lý và sử dụng dữ liệu đặc tả thống kê |
| CLTK 19.5 | Xác định tỷ lệ đầy đủ của dữ liệu đặc tả thống kê |